

れいわ ねんど  
令和7年度

ぜんにち ていじ つうしんせい でんししんせいよう  
<全日・定時・通信制 電子申請用>

# かながわけんこうこうせいたうしょうがくきゅうふきん つうじょうきゅうふ こっこうりつ 神奈川県高校生等奨学給付金（通常給付・国公立）

じゅぎょうりょういがい きょういくひ しえん へんかんふよう きゅうふきん しんせいひつよう  
授業料以外の教育費を支援する返還不要の給付金（申請必要）  
せいかつ ほ ご せいぎょうふじょ じゅきゅうせたい じゅうみんぜいしよとくわりひ かぜいせたい たいしやう  
生活保護（生業扶助）受給世帯・住民税所得割非課税世帯が対象

## 1 しんせい かた れいわ ねん がつ にちげんざい つぎ ようけん み せたい 1 申請できる方 令和7年7月1日現在で次の要件のすべてを満たす世帯

- (1) ほごしや かた かながわけんない じゅうしや ゆう  
保護者の方が神奈川県内に住所を有していること。
  - かながわけんがいがいじゅう ばあい す とどうふけん といあわ  
神奈川県外在住の場合は、お住まいの都道府県へお問合せください。
  - とどうふけん しんせいきげん こと はや がつちゅう かくにん  
都道府県によって申請期限が異なりますので、お早めに（できれば7月中旬に）ご確認ください。
- (2) せいかつ ほ ご せいぎょうふじょ じゅきゅうせたい じゅうみんぜいしよとくわりひ かぜいせたい  
生活保護（生業扶助）受給世帯または住民税所得割非課税世帯であること。
  - せいかつ ほ ご せいぎょうふじょ じゅきゅうせたい い か せいかつ ほ ごせたい かくにん れいわ ねん がつ にちげんざい せいぎょう  
生活保護（生業扶助）受給世帯（以下「生活保護世帯」という。）の確認は、令和7年7月1日現在の生業  
扶助の措置状況で確認します。
  - じゅうみんぜいしよとくわりひ かぜいせたい い か ひかぜいせたい かくにん ほごしやぜんいん れいわ ねんど とどうふけん  
住民税所得割非課税世帯（以下「非課税世帯」という。）の確認は、保護者全員の令和7年度の都道府県  
民税所得割額と市町村民税所得割額で確認します。  
※ かいがいふにんどう にほんこくない じゅうしや ゆう ひかぜい ばあい たいしやうがい  
海外赴任等で日本国内に住所を有しないため非課税である場合は対象外となります。
- (3) たいしやう こうこうせいたう こうとうがっこうどう ざいせき  
対象となる高校生等が高等学校等に在籍していること。
  - こうこうせいたう しゅうがくしえんきんまた まな なお しえんきん じゅきゅうしかく ゆう せいと  
高校生等とは、就学支援金又は学び直し支援金の受給資格を有する生徒です。
  - こうこうせいたう じどうふくしせつ ぼ しせいかつしえんしせつ のぞ にゅうしまた きとおや よういく けんがくりよう  
高校生等が児童福祉施設（母子生活支援施設を除く。）に入所又は里親に養育されており、見学旅行  
費又は特別育成費が措置されている場合は対象外となります。
  - こうとうがっこうどう こうとうがっこう べつか のぞ ちゅうとうきょういっがっこう こうきかてい こうとうせんもんがっこう だいい がくねん  
高等学校等とは、高等学校（別科を除く。）、中等教育学校（後期課程）、高等専門学校（第1学年から  
第3学年まで）、専修学校及び各種学校のうち高等学校の課程に類する課程を置くものをいいます。

## 2 しんせいきかん れいわ ねん がつ にち か れいわ ねん がつ にち げつ 2 申請期間 令和7年7月1日（火）～令和7年12月15日（月）

- れいわ ねんど でんししんせい どうにゆう しやうさい しんせい どう かくにん  
令和6年度から電子申請を導入しています。詳細は申請マニュアル等をご確認ください。
- だんししんせい ふかのう ばあい いちじる こんなん ばあい しんせいしよ かみ しんせい うけつけ  
なお、電子申請が不可能な場合や 著しく困難な場合は、申請書（紙）での申請も受け付けますので、  
がっこうたんとうしや もう つけ ください。
- しやういしんさ はや ていしゅつ  
書類審査がありますので、お早めにご提出ください。
- こうこうせいたう ふくさうふよう ばあい かくこうせいたう しんせい ひつよう  
高校生等を複数扶養している場合は、それぞれの高校生等について申請が必要です。

**NIÊN KHÓA 2025 <Khoá chính quy • vừa học vừa làm • Hàm thụ Dành cho người đăng ký bằng điện tử>**

**QUỸ HỖ TRỢ KHUYẾN HỌC DÀNH CHO HỌC SINH LOẠI KOKO TỈNH KANAGAWA (TRỢ CẤP THÔNG THƯỜNG - TRƯỜNG CÔNG LẬP)**

Đây là tiền phụ cấp không hoàn trả lại, sử dụng cho các chi phí giáo dục, trừ học phí (cần đăng ký)

Đối tượng là các Hộ nhận trợ cấp xã hội hoặc các Hộ được miễn thuế cư dân

**1 Người được làm đơn: Các gia đình hội đủ các điều kiện sau tính ở thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2025**

**(1) Là phụ huynh (người bảo hộ) có địa chỉ trong tỉnh Kanagawa**

- Trường hợp sống ở ngoài tỉnh Kanagawa, xin liên hệ với tỉnh thành nơi đang sinh sống.
- Tùy tỉnh thành, thời hạn làm đơn sẽ khác nhau, vì vậy hãy nhanh chóng xác nhận việc này. (nếu có thể trong tháng 7)

**(2) Là gia đình nhận trợ cấp xã hội (Hỗ trợ sinh kế - nghề nghiệp) hoặc gia đình được miễn thuế cư dân**

- Gia đình nhận trợ cấp xã hội (Hỗ trợ sinh kế - nghề nghiệp) (dưới đây được gọi tắt là Gia Đình TCXH) sẽ được xác nhận bằng tình trạng trợ cấp xã hội tính ở thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2025.
- Gia đình được miễn thuế cư dân (dưới đây gọi tắt là Gia Đình Miễn Thuế) sẽ được xác nhận bằng ngạch thuế cư dân cấp tỉnh và ngạch thuế cư dân cấp thị xã của tài khóa năm 2025 của tất cả phụ huynh.
- ※ Trong trường hợp, mặc dù có mức thu nhập nhất định, nhưng vì làm việc ở nước ngoài v.v... cho nên không có địa chỉ trong nước Nhật Bản và không phải đóng thuế, trường hợp này, không được xếp vào đối tượng của Quỹ Hỗ Trợ Khuyến Học.

**(3) Học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ, đang theo học tại các loại trường bậc Koko**

- Các học sinh bậc Koko là tên gọi dùng để chỉ các học sinh có tư cách nhận lãnh các loại quỹ để đi học như: Quỹ Hỗ Trợ Học Đường (Shugaku Shien-kin), Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại (Manabinaoshi Shien-kin).
- Một số học sinh bậc Koko sẽ không được xếp vào đối tượng hỗ trợ vì đang nhận các loại phí như: phí du lịch học tập (見学旅行費) hoặc phí dưỡng dục đặc biệt (特別育成費); đó là trường hợp các học sinh Koko đang ở trong cơ quan Phúc Lợi Nhi Đồng (Jido Fukushi Shisetsu; không tính ở các Trung Tâm Hỗ Trợ Mẹ và Con - Boshi Seikatushien-shisetsu), hoặc đang được cha mẹ nuôi nuôi dưỡng.
- Các loại trường bậc Koko là tên gọi các loại trường bao gồm: các trường Koko bình thường (Kotogakko; trừ trường biệt khoa-Bekka), trường Giáo Dục Trung Đẳng (Chuto Kyoiku Gakko; Koki Katei - Khóa trình hậu kỳ), trường Cao Đẳng Chuyên Môn (Koto Senmon Gakko; Năm thứ 1 đến năm thứ 3), trường Chuyên Tu (Senshu Gakko) và các loại trường trong đó có khóa trình thuộc bậc trung học cấp III.

**2 THỜI HẠN NỘP ĐƠN: Từ 1/7/2025 (Thứ Ba) đến 15/12/2025 (Thứ Hai)**

- Chúng tôi đã chính thức áp dụng hình thức nộp hồ sơ điện tử từ năm 2024. Xin hãy kiểm tra hướng dẫn ứng dụng v.v, để biết thêm chi tiết.
- Nếu không thể nộp đơn bằng điện tử hoặc cực kỳ khó khăn để thực hiện điều đó, chúng tôi cũng sẽ chấp nhận nộp đơn đăng ký bằng giấy, vì vậy vui lòng liên hệ với người phụ trách việc nộp đơn của nhà trường.
- Sẽ có việc xét duyệt qua giấy tờ, vì vậy hãy nhanh chóng nộp đơn.
- Khi phải nuôi dưỡng nhiều học sinh bậc Koko, thì cần phải làm đơn cho từng em học sinh bậc Koko đó.

### 3 支給時期 申請月の2か月後の末頃を予定 (例)7月申請⇒9月末頃支給

- 申請が集中した場合は、支給時期が遅くなる場合があります。
- 非課税世帯の方で、個人番号(マイナンバー)を利用した収入状況確認を希望した場合、非課税証明書等を利用した場合よりも支給時期が更に2～3週間程度遅くなる可能性があります。

### 4 申請先 令和7年7月1日に在学する(していた)学校の事務室

- 7月2日以降に退学・転学等している場合でも、7月1日時点の在籍校に申請してください。

### 5 支給条件 授業料以外の教育費に係る費用に対して支給します

- 授業料以外の教育費に係る費用に対して支給しますので、この費用に未済がある場合は、奨学給付金給付額を未済額に充当します。
- ※ 授業料以外の教育費の例:教科書費、教材費、学用品費、通学用品費、校外活動費、生徒会費、PTA会費、入学用品費、修学旅行積立金等
- 授業料以外の教育費に係る費用で未済がないことについて、学校長の確認が必要となります。

### 6 給付額 世帯区分及び在学する学校の課程により給付額が異なります 9、10ページの「対象者及び給付額確認シート」を参照してください。

- 対象となる高校生等1人あたりの給付額(年額)

世帯区分	全日制・定時制	通信制
生活保護世帯	32,300円	
非課税世帯	143,700円	50,500円

### 3 NGÀY CHU CẤP: Dự định là cuối tháng thứ hai sau khi nộp đơn

(Ví dụ) Tháng 7 nộp đơn => cuối tháng 9 sẽ chu cấp

- Trong trường hợp đơn xin bị tập trung nộp quá nhiều, thì ngày chu cấp có thể bị trễ.
- Nếu bạn là hộ gia đình được miễn thuế và muốn kiểm tra tình trạng thu nhập của mình bằng số cá nhân( my number), khoản thời gian thanh toán của bạn có thể bị chậm từ 2 đến 3 tuần so với khi bạn sử dụng giấy chứng nhận miễn thuế v.v.,.

### 4 NƠI NỘP ĐƠN:

Tại văn phòng nhà trường đang (đã) theo học vào thời điểm ngày 1/7/2025

- Trường hợp sau ngày 2 tháng 7 có làm thủ tục thôi học hoặc chuyển trường v.v, thì vẫn phải nộp hồ sơ tại trường đang theo học tính đến thời điểm ngày 1 tháng 7.

### 5 ĐIỀU KIỆN CHU CẤP:

**Chu cấp cho các phí dụng liên hệ đến phí học tập ngoài tiền học phí.**

- **Việc chu cấp sẽ dành cho các phí dụng liên hệ đến phí giáo dục ngoài tiền học phí**, do đó, trong trường hợp có những tiền phí trong đây phải nộp cho nhà trường mà chưa kịp nộp, thì tiền chu cấp của Quỹ Khuyến Học Hỗ Trợ này sẽ được sử dụng để bù vào phần chưa nộp đó.  
✕ Ví dụ của phí giáo dục ngoài tiền học phí : tiền sách giáo khoa, tiền tài liệu học tập, tiền học cụ, tiền vật dụng để đi học, tiền hoạt động ngoại khóa, tiền Hội Học Sinh, tiền Hội Phụ Huynh và Thầy Cô - PTA, tiền vật dụng khi nhập học, tiền góp cho cuộc du lịch học tập v.v...
- Về việc không thiếu các phần tiền liên hệ đến phí giáo dục ngoài tiền học phí phải nộp cho nhà trường, cần phải có sự xác nhận của hiệu trưởng.

### 6 Mức chu cấp:

Tùy theo loại gia đình hoặc khóa học của trường đang theo học, mà mức chu cấp sẽ khác nhau.

Xin tham khảo 「Bản Xác Nhận Đối Tượng Chu Cấp và Ngạch Chu Cấp」tại trang 9 và 10.

- **Ngạch chu cấp đối với 1 học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ (tiền chu cấp cho 1 năm)**

Loại gia đình	Khóa Chính Quy (Toàn thời) / Khóa Vừa Học Vừa Làm	Khóa Hàm Thụ
Gia Đình TCXH	32,300 yên	
Gia Đình Miễn Thuế	143,700 yên	50,500 yên

## 7 提出書類

電子申請では、以下の資料の画像データをご提出ください。

また、申請前に申請内容の誤りがないかを確認してください。

不備があると、支給が遅くなる場合があります。

### (1) 生活保護世帯・非課税世帯共通

振込先口座を確認できる資料の画像データ(預貯金通帳等)

※ 振込先口座の金融機関名、支店名、預金種別(普通口座又は貯蓄口座)、口座番号及び口座名義人(カナ)がわかる部分の預貯金通帳等の画像データを提出してください(通帳の表紙の裏に記載されていることが多いです。)

### (2) 生活保護世帯の方

(1)の資料に加えて、令和7年7月1日現在、生業扶助(高等学校等就学費)を受けていることがわかる次の①②の証明書のうちいずれかの画像データを提出してください。

① 生活保護法(昭和25年法律第144号)第36条の規定による生業扶助(高等学校等就学費)受給証明書(第2号様式)

※ 学校またはホームページから様式を入手し、福祉事務所で証明を受けてください。

② 生活保護受給証明書

申請の対象となる高校生等について、令和7年7月1日現在、生業扶助が支給されていることが記載されている証明書を福祉事務所で発行してもらってください。

このお知らせを担当のケースワーカーに確認いただき、必要な書類の発行を依頼していただくと手続きが円滑に進みます。

## 7 GIẤY TỜ PHẢI NỘP

Đối với đăng ký bằng điện tử, xin vui lòng gửi dữ liệu hình ảnh của các tài liệu sau đây.

Ngoài ra, xin vui lòng kiểm tra xem không có sai sót nào trong nội dung đăng ký trước khi nộp.

Nếu có thiếu sót thì, việc thanh toán có thể bị trễ nãi.

### (1) Những điểm chung dành cho Gia Đình TCXH và Gia Đình Miễn Thuế

Dữ liệu hình ảnh có thể xác nhận tài khoản để nhận tiền (sổ ngân hàng v.v.)

※ Xin nộp dữ liệu hình ảnh sổ tiết kiệm tài khoản ngân hàng v.v, để nhận tiền, khi đó xin chụp trang có ghi các chi tiết như: tên ngân hàng, tên chi nhánh, chủng loại (thông thường hay tiết kiệm), số tài khoản, tên đầy đủ người chủ tài khoản (viết bằng mẫu tự katakana) (thường thì các chi tiết này có ghi ở trang kế trang bìa)

### (2) Người trong Gia Đình TCXH

Ngoài các tài liệu ở phần (1), xin hãy nộp dữ liệu hình ảnh chứng minh rằng vào thời điểm 1/7/2025, hiện đang nhận trợ cấp xã hội (chi phí đi học của học sinh bậc Koko), đó là một trong những loại giấy chứng minh ① và ② ở dưới đây (chỉ nộp 1 trong 2 thôi).

① **Giấy chứng minh trợ cấp xã hội (chi phí đi học của học sinh bậc Koko)** (mẫu số 2), dựa theo Quy định Điều 36 của Luật Bảo Trợ Đời sống (Số 144, Bộ Luật Năm Showa thứ 25)

※ Hãy lấy bản mẫu từ nhà trường hoặc trang chủ, rồi đem lên văn phòng Phúc Lợi Xã Hội để được cấp phát chứng minh.

② **Chứng Minh Thư Trợ Cấp Xã Hội**

Xin đến văn phòng Phúc Lợi Xã Hội để được cấp phát chứng minh thư có ghi rõ việc , được chu cấp bảo trợ cuộc sống ở thời điểm 1/7/2025 của học sinh Koko v.v. là đối tượng hỗ trợ.

**Hãy xác nhận với chuyên viên xã hội (ケースワーカー) liên hệ về thông báo này, và nhờ họ lo liệu giấy tờ cần thiết, thì thủ tục đơn từ sẽ xong sẽ hơn.**

### (3) 非課税世帯の方

(1) の資料に加えて、次の資料の画像データを提出してください。

令和7年度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の合算額が0円(非課税)であることが確認できる次のア～ウのいずれか(保護者全員分の提出が必要)

ア 令和7年度 市町村民税・県民税 非課税証明書

イ 令和7年度 市町村民税・県民税 特別徴収税額通知書

ウ 令和7年度 市町村民税・県民税 税額決定・納税通知書

◆ 就学支援金又は学び直し支援金の申請(届出)時にオンラインで申請している場合又は、紙での申請時に保護者全員の個人番号(マイナンバー)カードの写し等をご提出いただいている場合は、上記書類の提出を省略し、個人番号を利用して所得割額の確認を行うことが可能です。

◆ 詳しくは以下に記載の「非課税世帯の方で個人番号(マイナンバー)を利用される方へ」をご覧ください。

神奈川県外から転入された場合等、必要に応じて追加書類をお願いする場合があります。

### 非課税世帯の方で個人番号(マイナンバー)を利用される方へ

◆ 非課税世帯の方は、個人番号(マイナンバー)を利用することで、7(3)に記載の「① 令和7年度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の合算額が0円(非課税)であることが確認できる資料の画像データ」の添付を省略することができます。

◆ 個人番号(マイナンバー)を利用するためには、就学支援金又は学び直し支援金の申請(届出)時に、オンラインで申請している※1か、紙での申請時に保護者全員の個人番号(マイナンバー)カードの写し等※2を提出している必要があります。

※1 オンライン申請のうち、「自己情報(マイナポータル連携)により税額を登録」を選択した方は、7月中にe-Shienへログインし、マイナポータルから税情報を取得し、e-Shienへ再度登録する必要があります。

※2 個人番号カードのコピー、個人番号通知カードのコピー、個人番号が記載された住民票の写し、個人番号が記載された住民票記載事項証明書の原本又はコピー等

◆ 個人番号(マイナンバー)をご利用いただいても税情報が取得できない場合があります。(税の申告を行っていない方など)

その場合は、改めて非課税証明書等をご提出いただきますのでご了承ください。

### (3) Người trong Gia Đình Miễn Thuế

Ngoài tài liệu ở phần (1), hãy nộp thêm các dữ liệu hình ảnh dưới đây.

Để có thể xác nhận rằng tổng số ngạch thuế cư dân cấp tỉnh và ngạch thuế cư dân cấp thị xã của tài khóa năm 2025 là 0 yên (miễn thuế), xin nộp một trong những loại giấy tờ ア～ウ như dưới đây (Cần nộp phần của tất cả phụ huynh)

**ア Giấy Chứng Minh Phi Khóa Thuế Thị Dân cấp thị xã và cấp tỉnh, tài khóa 2025**

**イ Thông Tri về Ngạch Thuế Trưng Thu Đặc Biệt Thuế Thị Dân cấp thị xã và cấp tỉnh, tài khóa 2025**

**ウ Thông Tri về Quyết Định Ngạch Thuế - Nộp Thuế về Thuế Thị Dân cấp thị xã và cấp tỉnh, tài khóa 2025**

- ◆ Khi làm (khai báo) đơn xin Quỹ Hỗ Trợ Học Đường hoặc Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại, khi nộp đơn thông qua internet hoặc khi nộp đơn bằng giấy, trong trường hợp đã nộp bản sao thẻ Mã Số Cá Nhân (my number) của tất cả người giám hộ, v.v., thì việc nộp giấy tờ bên trên có thể lược bớt, và có thể bước qua quy trình xác nhận ngạch thuế thu nhập bằng cách sử dụng Mã Số Cá Nhân.
- ◆ Muốn biết thêm chi tiết, xin xem phần「Gửi quý vị Gia Đình Miễn Thuế sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number)」dưới đây.

**Trong trường hợp chuyển chỗ ở từ ngoài tỉnh Kanagawa v.v, nếu cần thiết, sẽ có thể bị đòi thêm các giấy tờ khác.**

#### **Gửi quý vị Gia Đình Miễn Thuế sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number)**

- ◆ Khi quý vị thuộc Gia Đình Miễn Thuế, qua việc sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number), thì như đã nói ở trên ở phần 7 mục (3), quý vị sẽ không phải nộp「① Giấy tờ để có thể xác nhận rằng tổng số ngạch thuế cư dân cấp tỉnh và ngạch thuế cư dân cấp thị xã của tài khóa năm 2025 là 0 yên (miễn thuế)」
  - ◆ Để sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number), thì khi làm đơn xin Quỹ Hỗ Trợ Học Đường hoặc Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại, khi nộp đơn thông qua internet hoặc khi nộp đơn bằng giấy, quý vị cần phải nộp bản sao chụp thẻ Mã Số Cá Nhân (My Number) v.v...※ của tất cả những người giám hộ.
    - ※1 Đối với người đăng ký bằng internet, những người đã chọn "Đăng ký số tiền thuế theo thông tin bản thân (được liên kết với Mynportal)" cần phải đăng nhập vào e-Shien vào tháng 7, lấy thông tin thuế từ Mynportal và đăng ký lại với e-Shien.
    - ※2 Gồm bản copy của thẻ Mã Số Cá Nhân, bản copy của giấy thông báo Mã Số Cá Nhân, bản sao giấy chứng minh cư trú (住民票) có ghi Mã Số Cá Nhân, hoặc bản chính hoặc bản copy của giấy trích lục chứng minh cư trú (住民票記載事項証明書) có ghi Mã Số Cá Nhân.
  - ◆ Ngay cả trường hợp sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number), cũng có khi không thể lấy được thông tin về thuế khóa (chẳng hạn có người không đi khai thuế (税の申告)v.v...).
- Trong trường hợp này, quý vị buộc phải nộp giấy chứng minh miễn thuế. Lúc đó mong quý vị thông cảm.



こうこうせいとうしょうがくきゅうふきん つうじょうきゅうふ たいしょうしゃおよ きゅうふがくかくにん  
**高校生等奨学給付金（通常給付）対象者及び給付額確認シート**

Quỹ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Koko(trợ cấp thông thường) Bản Xác Nhận Đối Tượng Chu  
Cấp và Ngạch Chu Cấp

- Q 1. <sup>れいわ</sup> <sup>ねん</sup> <sup>ねん</sup> <sup>がつ</sup> <sup>にちげんざい</sup> <sup>ほごしゃ</sup> <sup>かた</sup> <sup>かながわけんない</sup> <sup>す</sup>  
令和7年(2025年) 7月1日現在、保護者の方は神奈川県内にお住まいですか？  
Có phải người bảo hộ hiện đang sinh sống trong tỉnh Kanagawa, tính vào thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2025?  
Phải→Q 2、Không→A1



- Q 2. <sup>れいわ</sup> <sup>ねん</sup> <sup>ねん</sup> <sup>がつ</sup> <sup>にちげんざい</sup> <sup>こうこうせいとう</sup> <sup>がっこう</sup> <sup>ざいせき</sup>  
令和7年(2025年) 7月1日現在、高校生等は学校に在籍していますか？  
Có phải học sinh Koko hiện đang trong danh sách học sinh của một trường, tính vào thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2025?  
Phải→Q 3、Không→A2



- Q 3. <sup>れいわ</sup> <sup>ねん</sup> <sup>ねん</sup> <sup>がつ</sup> <sup>にちげんざい</sup> <sup>こうこうせいとう</sup> <sup>せいかつ</sup> <sup>ほご</sup> <sup>せいぎょうふじょ</sup> <sup>う</sup>  
令和7年(2025年) 7月1日現在、高校生等は生活保護(生業扶助)を受けていますか？  
Có phải hiện đang nhận trợ cấp xã hội (Hỗ trợ sinh kế - nghề nghiệp), tính vào thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2025?  
Phải→A3、Không→Q 4



- Q 4. <sup>ほごしゃぜんいん</sup> <sup>れいわ</sup> <sup>ねん</sup> <sup>ねん</sup> <sup>ど</sup> <sup>とどうふけんみんぜいしよとくわりがく</sup> <sup>しちょうそんみんぜいしよとくわりがく</sup>  
保護者全員の令和7年(2025年)度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の  
<sup>がっさんかく</sup> <sup>えん</sup> <sup>ひかせい</sup>  
合算額は0円(非課税)ですか？  
Có phải tất cả những người bảo hộ tổng cộng có mức thuế là 0 yen (miễn thuế) ở tài khóa 2025, dựa trên "Mức thuế cư trú của Thủ đô - Đạo - Phủ - Tỉnh tính theo thu nhập và Mức thuế cư trú của Thị Xã - Thôn tính theo thu nhập" ?  
Phải→A4、Không→A5

A1. お住まいの都道府県に申請いただきます。申請期間等の詳細は、お住まいの都道府県にお問合せください。

**Xin hãy nộp đơn tại địa phương mình sinh sống. Để biết chi tiết như thời gian nộp đơn v.v, vui lòng hỏi tại địa phương mình đang sinh sống.**

A2. 該当しません。（休学又は7月2日以降の入学の場合はお問い合わせください。）  
お問い合わせください。）

Không thỏa điều kiện.

(Trường hợp tạm nghỉ học hoặc nhập học sau ngày 2 tháng 7, xin liên lạc để hỏi rõ)

A3. 「生活保護世帯」の給付額です。

国公立：32,300円 私立：52,600円

※ 保護者の方に令和7年度の住民税所得割が課税されている方がいる場合は対象外

Mức trợ cấp dành cho “Hộ gia đình đang nhận trợ cấp xã hội”.

Ngành Khoa Chuyên Khoa: Trường công = 32,300 yen Trường tư = 52,600 yen

※ Ở trong trường hợp trong phụ huynh có người được tính thuế cư trú vào năm 2025 sẽ không thành đối tượng.

A4. 「非課税世帯」の給付額です。

高校生等が7月1日時点で在籍している課程に応じて、給付額が異なります。

Mức trợ cấp dành cho “Hộ gia đình không chịu thuế”.

Mức trợ cấp khác nhau tùy theo hệ học mà học sinh trung học phổ thông v.v, đang theo học tính đến thời điểm ngày 1 tháng 7.

(国公立)

(Trường công)

・全日制：143,700円

・ Hệ chính quy : 143,700 yen

・定時制：143,700円

・ Hệ vừa học vừa làm : 143,700 yen

・通信制：50,500円

・ Hệ hàm thụ : 50,500 yen

(私立)

(Trường tư)

・全日制：152,000円

・ Hệ chính quy : 152,000 yen

・定時制：152,000円

・ Hệ vừa học vừa làm : 152,000 yen

・通信制：52,100円

・ Hệ hàm thụ : 52,100 yen

A5. 該当しません。 Không thỏa điều kiện.